

Phụ lục 1
BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP
(Ban hành Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân Tỉnh Đồng Tháp)

1. Áp dụng trên địa bàn phường Mỹ Tho, phường Đạo Thạnh, phường Mỹ Phong, phường Thới Sơn, phường Trung An

a) Đất trồng cây hằng năm

Khu vực 1 gồm: Phường Mỹ Tho (toàn bộ), Phường Đạo Thạnh (địa bàn phường 5, phường 4 trước sáp nhập), phường Mỹ Phong (địa bàn phường 9 trước sáp nhập), phường Thới Sơn (địa bàn phường 6 trước sáp nhập), phường Trung An (địa bàn phường 10 trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	350	280	245	210	175
Khu vực 2	240	190	165	145	120

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	400	320	280	240	200
Khu vực 2	280	225	195	165	140

2. Áp dụng trên địa bàn phường Cao Lãnh, phường Mỹ Ngãi, phường Mỹ Trà

Khu vực 1 gồm: Phường 1, Phường 2, Phường 4, phường Mỹ Phú, khóm Mỹ Hưng của Phường 3, khóm Thuận Nghĩa của phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh trước khi sáp nhập

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	330	265	230	200	165
Khu vực 2	220	175	155	130	110

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	380	305	265	230	190
Khu vực 2	270	215	190	160	135

3. Áp dụng trên địa bàn phường Sa Đéc

Khu vực 1 gồm: Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, phường An Hoà, phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc trước khi sáp nhập.

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	330	265	230	200	165
Khu vực 2	220	175	155	130	110

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	380	305	265	230	190
Khu vực 2	270	215	190	160	135

4. Áp dụng trên phường Hồng Ngự, phường Thường Lạc, phường An Bình

Khu vực 1 gồm: Phường An Lạc, An Thạnh, An Lộc, xã An Bình A, An Bình B, thành phố Hồng Ngự trước khi sáp nhập.

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	300	240	210	180	150
Khu vực 2	190	150	135	115	95

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	350	280	245	210	175
Khu vực 2	240	190	165	145	120

5. Áp dụng trên phường Gò Công, phường Long Thuận, phường Bình Xuân, phường Sơn Qui

Khu vực 1 gồm: Phường Gò Công (địa bàn phường 1, phường 5 trước khi sáp nhập), phường Long Thuận (địa bàn phường 2 trước khi sáp nhập), phường Bình Xuân (địa bàn phường Long Chánh trước khi sáp nhập), Phường Sơn Qui (địa bàn phường Long Hưng trước khi sáp nhập).

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	310	250	220	190	160
Khu vực 2	200	160	145	125	105

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	360	290	255	220	185
Khu vực 2	250	200	175	155	130

6. Áp dụng trên phường Mỹ Phước Tây, phường Thanh Hòa, phường Cai Lậy, phường Nhị Quý, Xã Tân Phú

Khu vực 1 gồm: Phường Mỹ Phước Tây (địa bàn phường 1, phường 3 trước khi sáp nhập), phường Thanh Hòa (phường 2 trước khi sáp nhập), phường Cai Lậy (phường 4, phường 5 trước khi sáp nhập), phường Nhị Quý (địa bàn phường Nhị Mỹ trước khi sáp nhập).

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	310	250	220	190	160
Khu vực 2	200	160	145	125	105

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	360	290	255	220	185
Khu vực 2	250	200	175	155	130

7. Áp dụng trên xã Thanh Hưng, An Hữu, xã Mỹ Lợi, xã Mỹ Đức Tây, xã Mỹ Thiện, xã Hậu Mỹ, xã Hội Cư, xã Cái Bè

Khu vực 1 gồm: Xã Cái Bè (địa bàn thị trấn Cái Bè trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	290	230	205	175	145
Khu vực 2	180	145	125	110	90

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	340	270	240	205	170
Khu vực 2	230	185	160	140	115

8. Áp dụng trên xã Mỹ Thành, Thạnh Phú, xã Bình Phú, xã Hiệp Đức, xã Long Tiên, xã Ngũ Hiệp

Khu vực 1 gồm: Xã Bình Phú (địa bàn thị trấn Bình Phú trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	290	230	205	175	145
Khu vực 2	180	145	125	110	90

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	340	270	240	205	170
Khu vực 2	230	185	160	140	115

9. Áp dụng trên xã Tân Phước 1, xã Tân Phước 2, xã Tân Phước 3

Khu vực 1 gồm: Xã Tân Phước 1 (địa bàn thị trấn Mỹ Phước trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	260	210	185	155	130
Khu vực 2	150	120	105	90	75

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	310	250	215	185	155
Khu vực 2	200	160	140	120	100

10. Áp dụng trên Hưng Thạnh, xã Tân Hương, xã Châu Thành, xã Long Hưng, xã Long Định, xã Bình Trưng, xã Vĩnh Kim, xã Kim Sơn

Khu vực 1 gồm: Xã Châu Thành (địa bàn thị trấn Tân Hiệp trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	290	230	205	175	145
Khu vực 2	180	145	125	110	90

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	340	270	240	205	170
Khu vực 2	230	185	160	140	115

11. Áp dụng trên xã Mỹ Tịnh An, xã Lương Hòa Lạc, xã Tân Thuận Bình, xã Chợ Gạo, xã An Thạnh Thủy, xã Bình Ninh

Khu vực 1 gồm: Xã Chợ Gạo (địa bàn thị trấn Chợ Gạo trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	290	230	205	175	145
Khu vực 2	180	145	125	110	90

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	340	270	240	205	170
Khu vực 2	230	185	160	140	115

12. Áp dụng trên xã Vĩnh Bình, xã Đồng Sơn, xã Phú Thành, xã Long Bình, xã Vĩnh Hựu

Khu vực 1 gồm: Xã Vĩnh Bình (địa bàn thị trấn Vĩnh Bình trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	275	220	190	165	135
Khu vực 2	165	130	115	100	85

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	325	250	215	185	155
Khu vực 2	215	170	150	130	110

13. Áp dụng trên xã Gò Công Đông, Xã Tân Điền, xã Tân Hòa, xã Tân Đông, xã Gia Thuận

Khu vực 1 gồm: Xã Tân Hòa (địa bàn thị trấn Tân Hòa trước khi sáp nhập), xã Gia Thuận (địa bàn thị trấn Vàm Láng trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	275	220	190	165	135
Khu vực 2	165	130	115	100	85

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	325	250	215	185	155
Khu vực 2	215	170	150	130	110

14. Áp dụng trên xã Tân Thới, xã Tân Phú Đông

Khu vực 1 gồm: Không có

Khu vực 2 gồm: Toàn bộ xã Tân Thới, xã Tân Phú Đông

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	260	210	185	155	130
Khu vực 2	150	120	105	90	75

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	310	250	215	185	155
Khu vực 2	200	160	140	120	100

15. Áp dụng trên xã Thường Phước, xã Long Khánh, xã Long Phú Thuận

Khu vực 1 gồm: Xã Thường Phước (địa bàn thị trấn Thường Thới Tiền trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	195	155	135	115	95
Khu vực 2	180	145	125	110	90

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	210	170	215	185	155
Khu vực 2	195	160	140	120	100

16. Áp dụng trên xã Tân Hồng, xã Tân Thành, xã Tân Hộ Cơ, xã An Phước

Khu vực 1 gồm: Xã Tân Hồng (địa bàn thị trấn Sa Rài trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	195	155	135	115	95
Khu vực 2	150	120	105	90	75

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	225	180	160	135	115
Khu vực 2	180	145	125	110	90

17. Áp dụng trên xã An Long, Thanh Bình, xã Tân Thạnh, xã Bình Thành, xã Tân Long

Khu vực 1 gồm: Xã Thanh Bình (địa bàn thị trấn Thanh Bình trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	180	145	125	110	90
Khu vực 2	135	110	95	80	70

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	300	240	210	180	150
Khu vực 2	210	170	145	125	105

18. Áp dụng trên xã Tam Nông, xã An Hòa, xã Phú Thọ, xã Tràm Chim, xã Phú Cường

Khu vực 1 gồm: Xã Tràm Chim (địa bàn thị trấn Tràm Chim trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	180	145	125	110	90
Khu vực 2	135	110	95	80	70

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	300	240	210	180	150
Khu vực 2	210	170	145	125	105

19. Áp dụng trên xã Tháp Mười, xã Thanh Mỹ, xã Mỹ Quý, xã Đốc Bình Kiều, xã Trường Xuân, xã Phương Thịnh

Khu vực 1 gồm: Xã Tháp Mười (địa bàn thị trấn Mỹ An trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	180	145	125	110	90
Khu vực 2	135	110	95	80	70

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	225	180	160	135	110
Khu vực 2	180	145	125	110	90

20. Áp dụng trên xã Phong Mỹ, xã Ba Sao, xã Mỹ Thọ, xã Bình Hàng Trung, xã Mỹ Hiệp

Khu vực 1 gồm: Xã Mỹ Thọ (địa bàn thị trấn Mỹ Thọ trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	210	170	150	125	105
Khu vực 2	180	145	125	110	90

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	270	215	190	160	135
Khu vực 2	210	170	150	125	105

21. Áp dụng trên xã Lai Vung, xã Hòa Long, xã Phong Hòa, xã Tân Dương

Khu vực 1 gồm: Xã Hòa Long (địa bàn thị trấn Lai Vung trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hằng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	240	190	170	145	120
Khu vực 2	210	170	150	125	105

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	300	240	210	180	150
Khu vực 2	270	215	190	160	135

22. Áp dụng trên xã Mỹ An Hưng, xã Tân Khánh Trung, xã Lấp Vò

Khu vực 1 gồm: Xã Lấp Vò (địa bàn thị trấn Lấp Vò trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hằng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hàng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	240	190	170	145	120
Khu vực 2	210	170	150	125	105

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	300	240	210	180	150
Khu vực 2	270	215	190	160	135

23. Áp dụng trên xã Phú Hựu, xã Tân Nhuận Đông, xã Tân Phú Trung

Khu vực 1 gồm: Xã Phú Hựu (địa bàn thị trấn Cái Tàu Hạ trước khi sáp nhập)

Khu vực 2 gồm: Các địa bàn còn lại

a) Đất trồng cây hàng năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây hàng năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	225	180	160	135	115
Khu vực 2	180	145	125	110	90

b) Đất trồng cây lâu năm

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm					
Khu vực đất	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Khu vực 1	285	230	200	170	145
Khu vực 2	255	205	180	155	130